

### **2.3. Nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có):** Không yêu cầu.

#### **Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật**

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;

- Tiến độ thi công;

- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;

- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);

- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

- Các yếu tố cần thiết khác;

Chủ đầu tư được yêu cầu về nhãn hiệu theo nhóm nhãn hiệu cho nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác (đầu vào cho việc thi công theo quy định của pháp luật xây dựng các hạng mục công việc quy định trong hồ sơ mời thầu mà không phải là một hạng mục công việc của gói thầu). Nhà thầu được chào theo nhãn hiệu các nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác theo quy định trong hồ sơ mời thầu hoặc nhãn hiệu khác có chất lượng tương đương hoặc tốt hơn.

Ví dụ: nhóm nhãn hiệu đối với xi măng: xi măng Nghi Sơn, Bỉm Sơn, Bút Sơn, Hà Tiên, Vicem Hoàng Mai. Nhà thầu được chào theo 1 hoặc một số nhãn hiệu trong các nhãn hiệu này hoặc được chào nhãn hiệu khác có chất lượng xi măng tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp do tính chất của gói thầu mà E-HSMT yêu cầu nhà thầu phải thực hiện theo đúng biện pháp thi công nêu trong E-HSMT, E-HSMT cần quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác với biện pháp thi công nêu trong E-HSMT. Chủ đầu tư không được đưa yêu cầu

về khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu trong yêu cầu về kỹ thuật nhằm loại bỏ nhà thầu.

### 1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu, thiết bị xây dựng:

| Nội dung yêu cầu  | Mức độ đáp ứng  |                  |
|---|---|------------------|
| 1.1. Bảng chủng loại vật tư quy định tại Chương V, Phần II của HSMT.      | Có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc (kèm theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của đơn vị cung cấp vật tư).   | Đạt              |
|   | Không có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc hoặc không kèm theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của đơn vị cung cấp vật tư.  | Không đạt        |
| 1.2. Bảng chủng loại vật tư được quy định tại Chương V, Phần II của HSMT. | Nêu đầy đủ, rõ ràng xuất xứ, tên nhà sản xuất, địa danh không nhầm lẫn với nhà sản xuất khác của các chủng loại.  | Đạt              |
|   | Nêu không đầy đủ, rõ ràng xuất xứ, tên nhà sản xuất, địa danh hay nhầm lẫn với nhà sản xuất khác của các chủng loại.  | Không đạt        |
| <b>Kết luận</b>   | Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt (Trường hợp nhà thầu có đăng ký chức năng buôn bán vật liệu, cung cấp lắp đặt thiết bị xây dựng thì tiêu chuẩn chi tiết 1.1 được xem là đạt). | <b>Đạt</b>       |
|   | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.  | <b>Không đạt</b> |

### 2. Giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thi công:

| Nội dung yêu cầu   | Mức độ đáp ứng  |           |
|--|---|-----------|
| 2.1. Tổ chức mặt bằng công trường: Thiết bị thi công, lán trại, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, trong quá trình thi công. | Có giải pháp kỹ thuật và bản vẽ đầy đủ, hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Đạt       |
|  | Giải pháp kỹ thuật không đầy đủ, hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.  | Không đạt |
| 2.2 Sơ đồ tổ chức hiện trường, thuyết minh sơ đồ tổ chức hiện trường (bộ phận quản lý tiến độ, kỹ thuật,                       | Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trình và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên theo yêu cầu và hợp lý   | Đạt       |

|   |  |                  |
|---|--|------------------|
| hành chính, chất lượng, vật tư, thiết bị, an toàn, an ninh, môi trường, các tổ đội thi công).   | Không có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trình và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên hoặc có nhưng không hợp lý  | Không đạt        |
| 2.3. Thi công sửa chữa, cải tạo công trình:<br>1. Công, tường rào + nhà bảo vệ + nhà xe + sân nền: thi công bả matit, sơn nước, sơn dầu, thi công chống thấm, thi công ốp lát, thi công trần, thi công lắp dựng cửa, thi công hệ thống điện.<br>2. Khối nhà văn phòng + khối nhà đa năng 1 + Khối nhà đa năng 2: thi công bả matit, sơn nước, sơn dầu, thi công chống thấm, thi công ốp lát, thi công trần, thi công xây trát, thi công lắp dựng cửa, thi công hệ thống điện + cấp thoát nước + thiết bị vệ sinh. | Có giải pháp kỹ thuật và biện pháp thi công (có bản vẽ biện pháp thi công) hợp lý đầy đủ các hạng mục, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Đạt              |
|   | Giải pháp kỹ thuật và biện pháp thi công không hợp lý, không đầy đủ các hạng mục, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.                | Không đạt        |
| <b>Kết luận</b>   | Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt  | <b>Đạt</b>       |
|   | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.   | <b>Không đạt</b> |

### 3. Tiến độ thi công:

| Nội dung yêu cầu   | Mức độ đáp ứng  |           |
|--|---|-----------|
| 3.1. Thời gian thi công: đảm bảo thời gian thi công không quá 90 ngày có tính điều kiện thời tiết kể từ khởi công.   | Đề xuất thời gian thi công $\leq 90$ ngày. (kể cả ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ, tết và có tính đến điều kiện thời tiết và đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Chương V. | Đạt       |
|  | Đề xuất thời gian thi công hoàn thành trước ngày $> 90$ ngày.   | Không đạt |
| 3.2. Tính phù hợp:<br>a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công.<br>b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công. | Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a) và b).   | Đạt       |
|  | Đề xuất không đủ 2 nội dung a) và b).   | Không đạt |
| 3.3 Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu                                | Có Biểu tiến độ thi công, tiến độ cung ứng vật tư, nhân sự, thiết bị thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và                            | Đạt       |

|                 |   |                  |
|-----------------|---|------------------|
| cầu của HSMT.   | đáp ứng yêu cầu của HSMT.   |                  |
|                 | Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật. | Không đạt        |
| <b>Kết luận</b> | Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.  | <b>Đạt</b>       |
|                 | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.  | <b>Không đạt</b> |

#### 4. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

| <b>Nội dung yêu cầu</b>   | <b>Mức độ đáp ứng</b>  |           |
|---|--|-----------|
| 4.1 Sơ đồ quản lý chất lượng và bộ phận quản lý chất lượng                          | Có sơ đồ quản lý chất lượng rõ ràng, hợp lý và thuyết minh quyền hạn và nghĩa vụ của bộ phận quản lý chất lượng.   | Đạt       |
|   | Không có trình bày đầy đủ hoặc có nhưng không hợp lý hoặc không có.  | Không đạt |
| 4.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công.                                   | Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.   | Đạt       |
|   | Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.   | Không đạt |
| 4.3. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công. | Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.<br>Có đề xuất đơn vị thí nghiệm vật liệu (Đơn vị thí nghiệm vật liệu phải có phòng thí nghiệm được công nhận LAS-XD). Cung cấp hợp đồng nguyên tắc, Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của đơn vị thí nghiệm. Trường hợp nhà thầu có phòng LAS-XD đáp ứng yêu cầu thì không cần cung cấp hợp đồng nguyên tắc. | Đạt       |
|   | Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công.<br>Không đề xuất đơn vị thí nghiệm hoặc đề xuất nhưng không đáp ứng yêu cầu trên.   | Không đạt |

|  |   |                  |
|--|---|------------------|
|  | Có biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão hợp lý, khả thi phù hợp với với giải pháp kỹ thuật cũng như đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.   |                  |
| 4.4 Biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão. | Không có biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão hoặc có biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với với giải pháp kỹ thuật cũng như đề xuất về biện pháp tổ chức thi công |                  |
| <b>Kết luận</b>  | Cả 4 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.  | <b>Đạt</b>       |
|  | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.  | <b>Không đạt</b> |

### 5. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:

| <b>Nội dung yêu cầu</b>                   | <b>Mức độ đáp ứng</b>   |            |
|---|---|------------|
| 5.1. Biện pháp an toàn lao động           | Có biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.  | Đạt        |
|   | Không có biện pháp hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công   | Không đạt  |
| 5.2. Biện pháp phòng cháy, chữa cháy      | Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công  | Đạt        |
|   | Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công   | Không đạt  |
| 5.3. Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường | Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.  | Đạt        |
|   | Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường, xử lý chất thải hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường, xử lý chất thải nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Không đạt  |
| <b>Kết luận</b>                           | Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.  | <b>Đạt</b> |

|  |  |                  |
|--|--|------------------|
|  | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | <b>Không đạt</b> |
|--|--|------------------|

#### 6. Bảo hành của nhà thầu:

| Nội dung yêu cầu             | Mức độ đáp ứng  |                  |
|------------------------------|---|------------------|
| Thời gian bảo hành 12 tháng. | Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng. | Đạt              |
|                              | Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng.           | Không đạt        |
| <b>Kết luận</b>              | Tiêu chuẩn chi tiết trên được xác định là đạt.            | <b>Đạt</b>       |
|                              | Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.           | <b>Không đạt</b> |

#### 7. Uy tín của nhà thầu:

|   |   |                  |
|---|---|------------------|
| <p>Uy tín của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu không có gói thầu đã tham gia nhưng từ chối thương thảo hợp đồng, có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng.</li> <li>- Nhà thầu có bản cam kết tại thời điểm ký kết hợp đồng nếu nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính, vật tư thiết bị và các nội dung liên quan khác theo yêu cầu của E-HSMT để thực hiện gói thầu.</li> <li>- Nhà thầu có cam kết đảm bảo chất lượng. Trường hợp vi phạm về chất lượng nhà thầu chịu phạt 5% giá trị hợp đồng, đồng thời bồi thường thiệt hại do lỗi của nhà thầu</li> </ul> | Nhà thầu có cam kết theo yêu cầu  | Đạt              |
|   | Không có cam kết hoặc trường hợp có cam kết nhưng bên mời thầu phát hiện nhà thầu cam kết không đúng. | Không đạt        |
| <b>Kết luận</b>   | Tiêu chuẩn chi tiết trên được xác định là đạt.  | <b>Đạt</b>       |
|   | Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.   | <b>Không đạt</b> |

### Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

#### Phương pháp giá thấp nhất<sup>1</sup>:

<sup>1</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này.

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT

#### **Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)**

Trường hợp cho phép nhà thầu đề xuất phương án kỹ thuật thay thế theo quy định tại Mục 12 E-CDNT, E-HSDT sẽ được đánh giá như sau: không